

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Hà

Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyên Trân – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang: Bà Lê Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Lam T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BX, xã TB, huyện GR, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Võ Thành N, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn NM, huyện VT, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lam T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Võ Thành N kết hôn vào ngày

12/3/2018 tại UBND thị trấn Nàng Mau, huyện VT, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn thì chị T về sống chung với anh N và đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, bất đồng về quan điểm sống, hôn nhân bất hòa và nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị T xuất trình cho Tòa án biên bản bạo lực gia đình, xác nhận của công an xã TB, huyện GR, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị với anh N.

Về con chung: chị Thị trình bày có 01 con chung là cháu Võ Thành N1, giới tính N, sinh ngày 10/11/2018, hiện đang sống với chị T, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Võ Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với anh Võ Thành N. Về con chung tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng, chưa xem xét yêu cầu cấp dưỡng do chưa có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: chị Nguyễn Thị Lam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Thành N và được quyền nuôi con chung. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn anh Võ Thành N có địa chỉ tại Ấp 3, thị trấn Nàng Mau, huyện VT, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy, bị đơn anh Võ Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Lam T và anh Võ Thành N được Ủy ban nhân dân thị trấn NM, huyện VT, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh Võ Thành N đã có hành vi đánh đập vợ con nên ngày 8/2/2019 Công an xã TB, huyện GR, tỉnh Kiên Giang lập biên bản về việc anh N có hành vi bạo lực gia đình. Ngoài ra, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn còn là do anh N thường xuyên uống rượu, ghen tuông, chửi mắng gia đình bên vợ. Xét thấy, hành vi của anh N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 53,

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì việc chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về con chung*: Quá trình sống chung giữa chị T và anh N có một con chung là cháu Võ Thành N1, sinh ngày 10/11/2018. Xét thấy, hiện cháu Nhân chưa đủ 36 tháng tuổi và đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu Nhân cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của cháu Nhân. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[6] *Về cấp dưỡng*: chị T hiện cũng chưa có yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét trong vụ án này.

[7] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lam T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lam T được ly hôn với anh Võ Thành N.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thành N1 (giới tính: N), sinh ngày 10/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Lam T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Thành N chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu. Anh Võ Thành N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lam T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003401 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục T hành án dân sự huyện VT, chị Nguyễn Thị Lam T không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H VT;
- Chi cục THADS H VT;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Hà Thái Thơ

